TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 16 – 4 – 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đạt

2. Bà Lê Thị Bé Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Xuân Cường**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh**- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Ngọc H, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:

2.1/ Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

2.2/ Ông Huỳnh L, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp S, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt)

3.2/ Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Song C, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Châu Ngọc H trình bày: Vào tháng 12/2022 bà H có cho vợ chồng ông Huỳnh L và bà Trần Thị Thu H vay nhiều lần tổng số tiền 190.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 2%/tháng đóng lãi hàng tháng, và vợ chồng L, H có viết giấy cầm nhà cho bà H hứa trong vòng 01 năm sẽ hoàn trả lại cả gốc và lãi. Tuy nhiên thời gian đầu thì vợ chồng L thực hiện đóng lãi nhưng nhiều tháng gần đây thì không đóng lãi nữa.

Sau khi hòa giải bà H có đơn yêu cầu bổ sung ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Ngọc G tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với lý do khi vợ chồng bị đơn vay tiền hai người này có ký tên vào giấy cầm nhà để nguyên đơn cho bị đơn vay tiền.

Nay bà Châu Ngọc H yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh L và bà Trần Thị Thu H phải trả cho nguyên đơn số tiền 190.000.000đ và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, ông C và bà G cũng phải có trách nhiệm trả nợ vì cùng ký tên trong giấy cầm nhà.

- Theo biên bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải bị đơn ông Huỳnh L và bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bị đơn thống nhất có vay của bà H 190.000.000đ, đã trả 20.000.000đ. Nay bà H khởi kiện thì bị đơn đồng ý số nợ 190.000.000đ và bà H không yêu cầu tính lãi.

Về số tiền vay này là bị đơn vay nên không liên quan gì đến ba mẹ của ông L, do lúc làm giấy nợ bà H yêu cầu ba mẹ cùng ký tên thì ký chứ thực tế họ không sử dụng số tiền này.

Về cách trả nợ: Do làm ăn khó khăn nên bị đơn xin trả mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ, bắt đầu từ ngày 10/3/2024.

Lời trình bày của ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Ngọc G: Năm 2023 ông bà có ký vào giấy cầm nhà, đồng ý cho vợ chồng L mượn nhà để cầm cho bà H vay 100.000.000đ. Sau khi vay tiền thì không có đưa lại cho ông bà mà vợ chồng L sử dụng để làm ăn bị lỗ nên không trả nợ cho bà H, yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng L trả nợ dần mỗi tháng 5.000.000đ. Ông C, bà G không liên quan đến số nợ này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 190.000.000đ và tính lãi từ ngày 01/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, đây là tranh chấp "Hợp đồng dân sự về vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị Thu H, ông Huỳnh L có nơi cư trú tại tổ 4, ấp Song Chinh, xã Bình Trị, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương.

Về thủ tục tố tụng: Ông C, bà G, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Châu Ngọc H buộc bị đơn ông Huỳnh L và bà Trần Thị Thu H trả số tiền 190.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Phía bị đơn ông L, bà H cũng thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn. Do đó ông L, bà H còn phải trả cho bà H số tiền 190.000.000đ là phù hợp với quy định của Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của bà H từ ngày 01/3/2024 đến ngày xét xử thấy rằng, tại phiên hòa giải các bên thống nhất xem xét 20.000.000đ mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn cấn trừ vào tiền lãi mà các bên thỏa thuận đến ngày hòa giải. Do đó tính lãi từ ngày 01/3/2024 đến ngày xét xử là 01 tháng 16 ngày bằng 4.855.554đ.

Như vậy tổng cộng ông L, bà H có nghĩa vụ trả cho bà H là 194.855.554đ, trong đó 190.000.000đ tiền gốc và 4.855.554đ tiền lãi.

[4] Xét lời trình bày của bị đơn ông L, bà H về việc xin trả dần số tiền nợ mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi nào hết nợ là không có cơ sở chấp nhận, do yêu cầu này không được bà H đồng ý. Hơn nữa Bộ luật dân sự cũng không quy định thời gian trả chậm nếu các đương sự không có thoả thuận. Phương thức thanh toán nợ như thế nào thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[5] Đối với ông C, bà G là cha mẹ ruột của ông L có ký tên vào giấy cầm nhà nhưng thực tế ông C, bà G không sử dụng số tiền vay này. Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giấy cầm nhà là chứng cứ thể hiện bị đơn có vay 100.000.000đ trong tổng số nợ và người vay là vợ chồng L, H. Trong biên bản hòa giải ngày 01/3/2024 nguyên đơn có trình bày "*Đối với ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Ngọc G có ký tên vào giấy cầm nhà vì tiền vay là của vợ chồng L. Do khi làm giấy nợ tôi sợ khi bán nhà hai người này làm khó nên yêu cầu ký tên*". Do đó không thể ràng buộc trách nhiệm trả nợ của ông C, bà G trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bị buộc phải trả số tiền 194.855.554đ nên phải chịu án phí.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1/ Buộc bị đơn ông Huỳnh L và bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Châu Ngọc H số tiền 194.855.554đ (Một trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 190.000.000đ và lãi 4.855.554đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị đơn ông Huỳnh L, bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.742.788đ.

Nguyên đơn bà Châu Ngọc H được nhận lại tiền tạm ứng án 4.750.000đ theo biên lai thu 0001800 ngày 27/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

3/ Báo cho nguyên đơn, ông L được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh